

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07-3-2019.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liễu;
2. Ông Nguyễn Văn Mừng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 627/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1987; cư trú tại: Số 34, hẻm 9, đường LLQ, khu phố B, phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1983; cư trú tại: Số 34, hẻm 9, đường LLQ, khu phố B, phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn ngày 04/12/2018, biên bản lấy lời khai của chị T ngày 08/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh V tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2004, đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã TN, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn do anh V ham chơi, không lo làm ăn, không phụ giúp gia đình, vợ con và thường xuyên đánh đập chị. Chị đã nộp đơn xin ly hôn vào năm 2010, Tòa án hoà giải đoàn tụ thì chị đã rút đơn khởi kiện để cho anh V thêm cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, anh V vẫn không thay đổi tính tình,

không khắc phục mà ngược lại còn thường xuyên đánh đập chị nhiều hơn. Mỗi lần cãi vã, anh V còn dùng dao đe dọa chị. Do quá sợ hãi nên chị đã thuê nhà trọ để không sống chung với anh V hơn 03 tháng nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh V.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 06/10/2004 và Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 03/10/2010. Hiện 02 con đang sống với chị.

Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu toà án giải quyết.

Theo Biên bản lấy lời khai của anh V ngày 23/01/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:

Anh V và chị T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2004, đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã TN, tỉnh Tây Ninh. Anh xác định giữa anh và chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong hôn nhân do túng thiếu về tiền bạc. Ngoài ra, do mấy tháng gần đây, anh bị tai nạn giao thông nên không đi làm việc được và cũng không phụ giúp việc nhà được nên vợ chồng cãi nhau nhiều hơn. Vào năm 2010, chị T có yêu cầu ly hôn với anh, nhưng toà án hoà giải thì chị T đã rút đơn ly hôn và vợ chồng về sống đoàn tụ với nhau; nhưng từ khoảng hơn 03 tháng nay thì chị T đã thuê nhà trọ sống riêng. Nay chị T lại nộp đơn ly hôn, anh không đồng ý ly hôn với chị T vì anh còn rất thương vợ con, anh yêu cầu đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 06/10/2004 và Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 03/10/2010. Nếu tòa xử anh chị ly hôn, anh đồng ý giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng theo khả năng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức T, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn V; về con chung: Đề nghị giao 02 con cho chị T nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn V có đơn yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt vụ án ly hôn giữa chị T và anh V. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh V.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn V tự nguyện tìm hiểu, chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2004, đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường 4, thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy: Chị T xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị không thể hàn gắn được vì phát sinh quá nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài; riêng anh V xác định vợ chồng có thường xuyên phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế nhưng anh còn thương vợ con nên yêu cầu được đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành động viên hòa giải nhiều lần và cho thời gian để anh chị có cơ hội hàn gắn nhưng anh chị vẫn không thực hiện được, mỗi người vẫn sống riêng; bản thân anh V không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng sau khi vợ chồng về đoàn tụ. Do đó, có đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh V không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; anh chị không sống chung một thời gian dài nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Nguyễn Văn V là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 06/10/2004 và Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 03/10/2010. Hiện 02 con đang sống với chị T.

Chị T, anh V thống nhất giao 02 cháu Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Nhật Q cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tình tiết, nội dung vụ án Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức T, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1]. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Nguyễn Văn V.

Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn V; chị T và anh V không còn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

[2]. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 06/10/2004 và Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 03/10/2010.

Giao 02 cháu Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Nhật Q cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai T số 0006403 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5]. Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi có trụ sở.

[6]. Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- CCTHADS thành phố Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Nơi cấp chứng nhận kết hôn;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang